

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH KHÊ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH KHÊ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH BÌNH KHÊ

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101610464

**3. Ngày thành lập:** 10/02/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

23 Hai Bà Trưng, Thị Trấn Phú Phong, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0919158464

Fax:

Email: [congytinhhkhe@gmail.com](mailto:congytinhhkhe@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                      | 4322     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Thi công trang trí nội, ngoại thất                                                             | 4330     |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                    | 4663     |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp | 4669     |
| 5.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                       | 0118     |
| 6.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                      | 6810     |
| 7.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                          | 6820     |
| 8.  | Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế<br>Chi tiết: Dịch vụ làm thủ tục về thuế                                      | 6920     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình;</p> <p>- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng – công nghiệp;</p> <p>- Thiết kế cơ – điện công trình;</p> <p>- Thiết kế cấp – thoát nước công trình;</p> <p>- Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;</p> <p>- Thiết kế xây dựng công trình thủy điện;</p> <p>- Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện đến 35KV.</p> <p>- Thiết kế quy hoạch xây dựng;</p> <p>- Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng – công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;</p> <p>- Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông;</p> <p>- Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;</p> <p>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình;</p> <p>- Giám sát công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện đến 35 KV.</p> <p>- Khảo sát địa hình;</p> <p>- Khảo sát địa chất công trình.</p> <p>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng – công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;</p> <p>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông;</p> <p>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.</p> <p>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng lắp đặt thiết bị vào công trình.</p> <p>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện đến 35 KV.-</p> <p>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng công trình: công trình dân dụng – công nghiệp; công trình giao thông; công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình hạ tầng kỹ thuật; công trình quy hoạch xây dựng; công trình thủy điện; công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện đến 35KV.</p> <p>- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng: công trình dân dụng – công nghiệp; công trình giao thông; công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình hạ tầng kỹ thuật; công trình quy hoạch xây dựng; công trình thủy điện; công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện đến 35KV.</p> <p>- Lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi, thủy điện, quy hoạch xây dựng, điện công trình, kiến trúc công trình.</p> | 7110(Chính) |
| 10. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0810        |
| 11. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4933        |
| 12. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8130        |

|     |                                                                                                                                                                      |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 13. | Xây dựng nhà để ở<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng                                                                                                          | 4101                                                         |
| 14. | Xây dựng nhà không để ở<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp và công trình khác                                                                              | 4102                                                         |
| 15. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                         | 4212                                                         |
| 16. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                             | 4221                                                         |
| 17. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi và công trình cấp, thoát nước khác                                                     | 4222                                                         |
| 18. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình kỹ thuật dân dụng khác                                    | 4299                                                         |
| 19. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: Đào đắp, san ủi mặt bằng                                                                                                              | 4312                                                         |
| 20. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                | 4321                                                         |
| 21. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp                      | 4773                                                         |
| 22. | (* Lưu ý: Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ và duy trì điều kiện đầu tư kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện). | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN ĐÀI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/09/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052077000744

Ngày cấp: 13/04/2021

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 23 Hai Bà Trưng, Thị Trấn Phú Phong, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 23 Hai Bà Trưng, Thị Trấn Phú Phong, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định